

Văn mẫu lớp 11: Phân tích hình tượng người phụ nữ trong bài thơ Tự tình 2

1. Bài mẫu số 1: Phân tích hình ảnh người phụ nữ trong Tự tình 2

Hồ Xuân Hương một nữ sĩ đại tài của văn học Việt Nam, bà được mệnh danh là Bà chúa thơ Nôm. Các vần thơ của bà tập trung nói về người phụ nữ với sự ý thức cao độ về vẻ đẹp hình thức và nhân cách. Nhưng đằng sau những vần thơ ấy còn là nỗi đau thân phận bị rẻ rúng. Nỗi niềm đó được thể hiện trong rất nhiều bài thơ của bà và một trong những bài thơ đó không thể không nhắc đến bài Tự tình II.

Văn bản nằm trong chùm thơ Tự tình gồm có ba bài. Cả ba bài đều thể hiện nhất quán nỗi tự thương mình trong tình cảnh cô đơn, lẻ loi và khao khát hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt. Những vần thơ còn thể hiện sự vùng vẫy, bút phá để dành hạnh phúc cho chính mình, nhưng cuối cùng vẫn phải nhận về thất bại cay đắng.

Trước hết thân phận người phụ nữ trong bài thơ được thể hiện đầy cay đắng xót xa, họ ý thức về thân phận mình, ý thức về tuổi thanh xuân trôi nhanh mà hạnh phúc lứa đôi chưa được tròn vẹn:

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu đưa hương say lại tỉnh

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

Trong đêm khuya tĩnh mịch, các sự vật đều trở về trạng thái lặng thì tiếng trống “văng vẳng” nghe càng trở nên da diết, dồn dập hơn, nó như thúc giục người phụ nữ về sự chảy trôi của thời gian, của thanh xuân. Câu thơ thứ hai diễn tả nỗi niềm trơ trọi, cô đơn của những người phụ nữ trong không gian quạnh hiu đó. Từ “trơ” được đảo lên đầu câu càng nhấn mạnh hơn nữa vào thân phận bất hạnh của họ. Từ “hồng nhan” vốn được hiểu là người con gái xinh đẹp, có nhan sắc. Nhưng

đến đầu thế kỉ XVIII chữ “hồng nhan” thường gắn liền với yếu tố “bạc mệnh”: để nói lên số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến: “Rằng hồng nhan tự thuở xưa/ Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu” hay “Hồng nhan quen thói má hồng đánh ghen”. Trong bài thơ này, Hồ Xuân Hương dùng từ “hồng nhan” với ý nghĩa hồng nhan bạc mệnh, diễn tả nỗi niềm chua xót trước thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Trong nỗi đau của kẻ hồng nhan bạc mệnh, nhân vật trữ tình tìm đến rượu để quên, đến trăng để bầu bạn nhưng chén rượu uống vào muốn say mà lại càng tỉnh, ngắm trăng lại càng nhận rõ thân phận bất hạnh của bản thân. Trăng sắp tàn mà vẫn khuyết, cũng như con người thanh xuân sắp qua mà tình duyên vẫn còn lận đận, lỡ dở.

Bốn câu thơ đầu, khung cảnh nhuộm màu tâm trạng của nhân vật trữ tình, kết hợp với thủ pháp tương phản: một bên là con người cô đơn, nhỏ bé với một bên là không gian rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ (hồng nhan/ nước non), thờ gian đêm mênh mông, quạnh vắng, lạnh lùng với sự bé nhỏ của người phụ nữ (vàng trăng, trống canh); rượu không thể làm con người khuây khỏa, say lại tỉnh,... tất cả những yếu tố đó đã góp phần làm nổi bật sự cô đơn, buồn chán của nhân vật trữ tình – người phụ nữ.

Không chỉ vậy, người phụ nữ còn ý thức về hạnh phúc và nỗi đau thân phận, ý thức về hạnh phúc ngày càng rời xa, nhân vật trữ tình có những phản ứng hết sức quyết liệt:

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.

Hai câu thơ thể hiện một sức sống mạnh mẽ, khỏe khoắn bằng những hình ảnh thơ hết sức độc đáo: rêu, đá. Rêu vốn là loài cây mềm mại, nhỏ bé nhưng dưới con mắt của tác giả những đám rêu tưởng nhỏ bé, yếu đuối đó lại “xiên ngang mặt đất” mà trời dậy tìm sự sống; hòn đá tưởng chừng như chỉ đứng bất động trước sự

chảy trôi của thời gian lại có thể “đâm toạc chân mây”. Dưới con mắt của Hồ Xuân Hương tất cả các sự vật tưởng như bất động, không có sự sống lại được tác giả cấp cho sức sống tràn trề, mạnh mẽ. Nhưng không dừng lại ở đó hình ảnh những sự vật đó kết hợp với cụm từ “xiên ngang”, “đâm toạc” đã cho thấy sự bứt phá, không cam chịu số phận đau khổ, tủi hèn của nhân vật trữ tình. Đặt trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ khi người phụ nữ luôn được giáo dục với tinh thần cam chịu, nhẫn nhục, an phận thủ thường thì câu thơ mang nhiều ý nghĩa tích cực, tiến bộ. Người phụ nữ trong bài thơ không chấp nhận số phận mà bộc lộ niềm khao khát tình yêu, hạnh phúc, mở ra khả năng đấu tranh để đạt được tình yêu hạnh phúc về cho chính mình. Ý thơ này thống nhất với những bài thơ khác trong chùm thơ Tự tình của bà: “Thân này đâu đã chịu già tom” – khát vọng tình yêu được thể hiện nhất quán.

Nhưng trước thực tại quá đổi phũ phàng, dường như người phụ nữ cũng phải chấp nhận: “Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại/ Mảnh tình san sẻ tí con con”, câu thơ cất lên đầy ai oán chua xót. Trong một bài thơ khác Hồ Xuân Hương đã từng viết: “Chém cha cái kiếp lấy chồng chung/ Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng” để cho thấy rõ hơn số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội cũ. Tuổi xuân người con gái có được là bao nhiêu, xuân “lại lại” đồng nghĩa với thanh xuân người con gái ngày một ngắn lại, vậy mà mảnh tình cũng phải san sẻ, chia năm sẻ bảy. Câu thơ với cách dùng từ độc đáo, cho thấy sự nhỏ dần, ít dần của tình duyên: mảnh tình – nhỏ bé, san sẻ - càng ít hơn và cuối cùng phần nhận được chỉ còn lại “tí con con”.

Bằng khả năng điều khiển ngôn ngữ tài tình, Hồ Xuân Hương đã cho người đọc phần nào thấy được thân phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội cũ, tình yêu bị san sẻ, hạnh phúc không thể với đến. Nhưng đồng thời còn thấy được khát khao hạnh phúc mãnh liệt của họ. Qua những vần thơ đó Hồ Xuân Hương cũng lên án xã hội phong kiến đã kìm kẹp nhu cầu hạnh phúc chính đáng của con người.

>>> Xem thêm: [Dàn ý phân tích hình tượng người phụ nữ trong bài thơ Tự tình 2](#)

2. Bài mẫu số 1: Phân tích hình ảnh người phụ nữ trong Tự tình 2

Trong nền văn học Trung đại Việt Nam, hình ảnh người phụ nữ trong thơ văn ít được nhắc đến, nếu có chỉ xuất hiện thoáng qua trong một số tác phẩm. Thế nhưng vào cuối thế kỉ XVIII, có một người phụ nữ đã xuất hiện, đưa hình ảnh người phụ nữ lên một tầm cao mới, họ không chỉ là những người phụ nữ thấp cổ bé họng, bị chà đạp, khinh rẻ mà họ đã trở nên mạnh mẽ, dám chống lại cái xã hội phong kiến, đập tung mọi lễ giáo kìm hãm những người phụ nữ, dám ngẩng cao đầu mà nói Không chồng mà chửa mới ngoan - Có chồng mà chửa thế gian thường tình.

Người phụ nữ đó chính là Hồ Xuân Hương, người được Xuân Diệu mệnh danh là Bà chúa thơ Nôm. Là người phụ nữ viết về thân phận những người phụ nữ, Hồ Xuân Hương thấu hiểu nỗi đau của họ hơn ai hết. Thơ bà là tiếng nói đồng cảm, xót xa cho thân phận của những người phụ nữ có nhan sắc nhưng số phận lại đầy bất hạnh, hẩm hiu, và luôn bị chà đạp. Một số bài thơ của bà đậm chất trữ tình đậm thắm, xen lẫn ít nhiều cảm xúc tha thiết, buồn tủi... thể hiện một cách sâu sắc thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa với biết bao nỗi niềm khát khao được sống hạnh phúc trong tình yêu đôi lứa. Chùm thơ Tự tình gồm ba bài là một phản ánh sâu sắc tâm tư tình cảm của nhà thơ, một người phụ nữ duyên phận hẩm hiu quá lứa lỡ thì. Hay nhất trong chùm thơ này là bài thứ hai.

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Tơ cái hồng nhan với nước non

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

Ngán nổi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con

Đêm khuya là lúc con người ta cảm thấy cô đơn, lẻ loi nhất. Khi một mình không ngủ được bà lại lắng tai nghe tiếng trống canh văng vẳng liên hồi, báo hiệu bước đi dồn dập của thời gian.

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Tơ cái hồng nhan với nước non

Đây cũng là lúc bà cảm thấy xót xa cho thân phận hẩm hiu của mình, những người phụ nữ khác có lẽ giờ đây đang ở trong vòng tay của chồng còn bà thì một mình tơ cái hồng nhan với nước non. Từ tơ đứng trước tơ hồng nhan gọi cái gì đó rẻ rúng và pha chút mỉa mai. Chỉ có đá mới tơ gan cùng tuế nguyệt vậy mà nhan sắc của người phụ nữ này cũng tơ gan với nước non. Không ngủ được, bà mượn chén rượu uống để say, để quên đi cái thực tại đau đớn này.

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn

Thế nhưng rượu không làm bà say, bà quên được, càng uống càng tỉnh, càng tỉnh càng đau, càng nghĩ về thực tại của mình. Đêm đã khuya, vàng trắng sắp lặn, đã biết bao thi nhân mượn hình ảnh vàng trắng làm người bạn tri âm tri kỉ nhưng trăng ở đây không phải bạn để chia sẻ tâm trạng của nữ thi sĩ lúc này mà vàng trắng càng xoáy sâu vào nỗi đau của bà. Trong cái đêm khuya ấy, trong âm thanh của tiếng trống dồn, giữa chén rượu vàng trắng khuyết càng gọi não nùng hơn.

Trăng ở đây là hình ảnh thật nhưng nó cũng ẩn dụ hình ảnh tuổi xuân của người phụ nữ, nếu vàng trắng đó là ngày rằm tròn đầy viên mãn thì lại khác, ở đây vàng trắng khuyết thể hiện sự thiếu thốn không đầy đủ. Nghệ thuật đối trong hai câu thơ

này rất tài tình, đăng đối, hô ứng nhau, cùng làm nổi bật lên thân phận của một khách hồng nhan bạc mệnh, có nhan sắc mà phải chịu cảnh dang dở, cô đơn. Tủi buồn cho duyên phận của mình, người phụ nữ đã trải qua biết bao đêm dài thao thức mong đợi, ước mơ nhưng ngày tháng cứ chồng chất thêm hi vọng đợi chờ, khát khao, nhưng hạnh phúc vẫn mù tăm. Biết bao giờ vầng trăng lại tròn như biết bao tháng ngày mơ ước. Càng cô đơn, càng đợi chờ, càng mong chờ thì càng đau buồn.

Bầu trời là vậy, còn mặt đất thì:

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

Tác giả đã dùng những động từ mạnh như xiên, đâm kết hợp với các bộ ngữ ngang, dọc cho thấy được sức sống mãnh liệt của cỏ cây hoa lá. Chúng là những sinh vật mềm yếu nhưng cho thấy được sức sống mãnh liệt của cỏ cây hoa lá. Người phụ nữ trong bài thơ này cũng vậy, cũng muốn phản kháng, muốn bứt tung khỏi xiềng xích của xã hội phong kiến, nhưng điều đó không thể. Không thoát khỏi được, người phụ nữ đành chấp nhận thực tại với một nỗi niềm ngao ngán.

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con

Từ ngán có nghĩa là chán ngán, ngán ngẩm về cuộc đời éo le, bạc bẽo của Hồ Xuân Hương. Xuân ở đây có nghĩa là mùa xuân nhưng cũng ẩn dụ về tuổi xuân của người phụ nữ. Mùa xuân là mùa của tình yêu, của tuổi trẻ, ai cũng háo hức mong chờ nhưng riêng bà thì không bởi mùa xuân qua đi tuổi xuân của người phụ nữ cũng qua đi. Xuân Diệu, ông hoàng của thơ tình Việt Nam cũng đã từng tiếc rẻ thốt lên:

Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua

Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già...

và

Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn

Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại...

Thế nhưng, nếu Xuân Diệu háo hức mong chờ mùa xuân tới thì Hồ Xuân Hương lại ngán ngẩm mùa xuân về nên bà viết xuân lại lại, một chút ngán ngẩm trong câu thơ ấy vì mùa xuân trôi dần đi mà bản thân mình vẫn một thân một mình, lẻ chiếc, thiếu thôn yêu thương, giả sử có tình yêu thì mình cũng chỉ được sẻ tí con con.

Trong câu cuối cùng của bài thơ này, từng chữ đều thoáng ý ngậm ngùi ảm ức, tình chỉ có một mảnh vì phải chia đầu được tròn đầy nguyên vẹn, khác chi ánh trăng khuyết trên bầu trời. San sẻ nhưng chỉ được một tí con con, lời thơ tưởng như một lời bốn cột, tưởng như tiếng cười ngạo nghễ của bà nhưng sao thấy chua xót. Đã con con là nhỏ rồi mà còn tí nữa thì cực nhỏ. Vì phải chịu cảnh tình cảm bị chia sẻ nên đã có lần bà đã phải cất tiếng chửi:

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng

Tự tình II là bài thơ tự than thân, nói ra tự đáy lòng của một người phụ nữ quá lứa lỡ thì, mượn rượu, nhìn trăng để quên đi cái thực tại cô đơn. Nhưng Nguyễn Du từng nói "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ" bởi vậy rượu và trăng càng làm cho người phụ nữ thêm buồn tủi với duyên phận hẩm hiu của mình. Càng buồn tủi càng khao khát có được hạnh phúc trọn vẹn. Dù vậy nổi bật lên trong bài thơ là sức sống mãnh liệt và một tấm lòng yêu cuộc sống thật thiết tha.

3. Bài mẫu số 1: Phân tích hình ảnh người phụ nữ trong Tự tình 3

Thân phận lẽ mọn của người phụ nữ trong xã hội phong kiến là một đề tài khá phổ biến trong văn học dân gian và văn học viết thời hiện đại. Tình yêu và hạnh phúc gia đình là một trong những mối quan tâm lớn của văn học từ xưa đến nay. Nó góp phần thể hiện rõ tinh thần nhân đạo trong văn học. Chùm thơ Tự tình là một trong những tác phẩm tiêu biểu viết về người phụ nữ trong văn học Việt Nam - Hồ Xuân Hương.

Người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng nghe tiếng trống canh báo thời khắc đi qua. Canh khuya là thời gian từ nửa đêm cho đến sáng. Nàng cảm thấy tiếng trống canh báo hiệu thời gian khắc khoải mong ngóng một điều gì. Nhưng càng mong lại càng không thấy. Tiếng trống canh đang dồn dập kia chính là thông báo về thời gian tâm trạng của nàng. Nó thể hiện nỗi chờ mong khắc khoải, thảng thốt thiếu tự tin, đầy lo âu và tuyệt vọng của người đàn bà.

Hồ Xuân Hương diễn tả tâm trạng bẽ bàng của người vợ cô đơn chờ mong chồng mà chồng không đến bằng một chữ trơ - trơ trọi, trơ cái hồng nhan, cái thân phận phụ nữ với nước non, với đời, với tình yêu.

Hai câu tiếp theo, Hồ Xuân Hương diễn tả tâm trạng tuyệt vọng của người vợ chờ chồng.

Câu thơ ẩn chủ từ, chỉ thấy hành động và trạng thái diễn ra. Chén rượu hương đưa nghĩa là uống rượu giải sầu cho quên sự đời, nhưng say rồi lại tỉnh, tức là uống rượu vẫn không quên được mối sầu!

Vàng trăng bóng xế trong câu bốn có nghĩa là đêm đã gần tàn, nhưng trăng chưa tròn mà đã xế, thể hiện cảm xúc về hạnh phúc chưa tròn đầy. Vàng trăng bóng xế cũng có thể có hàm ý chỉ tuổi người đã luống mà hạnh phúc chưa đầy.

Nếu như bốn câu thơ đầu tiên diễn tả cái tâm trạng chờ đợi mòn mỏi có phần tuyệt vọng, buông xuôi, thì ở hai câu năm và sáu, Hồ Xuân Hương đã bất ngờ vẽ ra hình ảnh một sự cảm khái. Cái đám rêu kia còn được bóng trăng xế xiên ngang mặt

đất soi chiếu tới. Ta có thể tưởng tượng: mấy hòn đá kia còn được ánh trăng đêm toạc chân mây để soi đến. Hoá ra thân phận mình cô đơn không bằng được như mấy thứ vô tri vô giác kia! Đây không nhất thiết phải là cảnh thực, mà có thể chỉ là hình ảnh trong tâm tưởng. Mấy chữ xiên ngang, đêm toạc có ý tiếp cái mạch văn trũng bóng xế ở câu trên. Nhưng các sự vật, hình ảnh thiên nhiên ở đây diễn ra trong dáng vẻ khác thường, do việc tác giả sử dụng những từ ngữ chỉ hành động có tính chất mạnh mẽ, dữ dội:

*Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đêm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

Hai câu thơ này cũng có thể hiểu là đảo ngữ: rêu từng đám xiên ngang mặt đất, còn đá mấy hòn vươn lên đêm toạc chân mây. Và đó không phải là hình ảnh của ngoại cảnh, mà là hình ảnh của tâm trạng, một tâm trạng bị dồn nén, bức bối muốn đập phá, muốn làm loạn, muốn được giải thoát khỏi sự cô đơn, chán chường. Nó thể hiện cá tính mạnh mẽ, táo bạo của chính Hồ Xuân Hương.

Những dồn nén, bức bối, đập phá của tâm trạng nhà thơ bất ngờ bộc phát, và cũng bất ngờ lắng dịu, nhường chỗ cho sự trở lại của nỗi buồn chán và bất lực, chấp nhận và cam chịu. Câu thơ Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại chứa đựng biết bao nhiêu là thời gian và sự chán ngán kéo dài. Cuộc đời cứ trôi đi, thời gian cứ trôi đi, tình yêu và hạnh phúc thì chỉ được hưởng tí chút. Tác giả đã đi, tình yêu mà hạnh phúc thì chỉ được hưởng tí chút. Tác giả đã dùng từ mảnh tình để nói cái tình bé như mảnh vỡ. Lại nói san sẻ - Chắc là san sẻ với chồng, san sẻ với vợ cả chăng? Hai câu thơ cuối khép lại bài thơ, như một tổng kết, như một lời than thở thầm kín của người phụ nữ có số phận lẽ mọn về tình yêu và hạnh phúc lứa đôi không trọn vẹn trong xã hội xưa.

Bài thơ là lời than thở cho số phận hẩm hiu của người phụ nữ chịu cảnh lẻ mọn, thể hiện thái độ bi quan, chán nản của tác giả và thân kiếp thiết thòi của con người.

Đặc sắc nhất về nghệ thuật của bài thơ là sử dụng những từ ngữ và hình ảnh gây ấn tượng mạnh. Tác giả chủ yếu sử dụng các từ thuần Việt giàu hình ảnh, màu sắc, đường nét với sắc thái đặc tả mạnh, bằng những động từ chỉ tình thái: dồn, tro, xé, xiên ngang, đâm toạc, đi, lại lại, san sẻ, ... và tính từ chỉ trạng thái: say, tỉnh, khuyết, tròn... để miêu tả những cảm nhận về sự đời và số phận.

Hình ảnh trong bài thơ gây ấn tượng rất mạnh bởi nghệ thuật đặc tả. Nhà thơ thường đẩy đối tượng miêu tả tới độ cùng cực của tình trạng mang tính tạo hình cao. Nói về sự cô đơn, tro troy đến vô duyên của người phụ nữ thì: Tro cái hồng nhan với nước non. Mấy chữ xiên ngang, đâm toạc đều là những hành động mạnh mẽ như muốn tung phá, đầy sức sống thể hiện những cảm xúc trẻ trung.

Tác phẩm trình bày một cách nghệ thuật mối mâu thuẫn giữa khát vọng hạnh phúc lứa đôi trọn vẹn của người phụ nữ trong cảnh lẻ mọn với hiện thực phũ phàng là sống trong cô đơn, mòn mỏi mà họ phải chịu đựng, giữa mong ước chính đáng được sống trong hạnh phúc vợ chồng với việc chấp nhận thân phận thiết thòi do cuộc sống đem lại.

Bài thơ bày tỏ sự cảm thông sâu sắc của tác giả đối với nỗi bất hạnh của người phụ nữ, phê phán gay gắt chế độ đa thê trong xã hội phong kiến, đồng thời thể hiện rõ sự bất lực và cam chịu của con người trước cuộc sống hiện tại.

Bài thơ diễn tả một tình cảm đáng thương, một số phận đáng cảm thông, một khát vọng đáng trân trọng, một tâm trạng đáng được chia sẻ của người phụ nữ trong xã hội xưa. Những mơ ước hạnh phúc đó là hoàn toàn chính đáng nhưng không thể thực hiện được trong điều kiện xã hội lúc bấy giờ, đó là bi kịch không thể giải tỏa. Vì thế giọng điệu của bài thơ vừa ngậm ngùi vừa ai oán. Yêu cầu giải

phóng con người, giải phóng tình cảm chỉ có thể tìm được lời giải đáp dựa trên cơ sở của những điều kiện lịch sử - xã hội mới mà thôi.



vndoc